TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày 10-02-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Ngọc Dung.

2. Bà Nguyễn Thị Di.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 về việc *"Ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 01/2022/QĐ-TA ngày 07 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm: 1999 (có mặt);

Địa chỉ: Số 25, tổ 9, ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn K, sinh năm: 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 9, ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Hoàng Văn K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập

quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 02-4-2019. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, từ đó thường xuyên xảy ra xung đột, bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống đi vào bế tắc không có lối thoát. Do mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ tháng 11-2019, không còn quan tâm đến nhau. Xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được và không còn tình cảm với anh K nên chị L yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống chưa có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo kết quả xác minh, anh K có hộ khẩu thường trú tại tổ 9, ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và đang sinh sống tại địa phương.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do, chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các điều 205, 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các điều 225, 237 và 239 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Quá trình tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị L xác định yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn đối với anh K được xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh K tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị L sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị L xin ly hôn với anh K. Qúa trình tố tụng anh K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo kết quả xác minh quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm rõ, chị L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn trong khi đó anh K cố tình vắng mặt cho thấy không có thiện chí hòa giải đoàn tụ. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57 và 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy L về việc "Ly hôn" đối với anh Hoàng Văn K.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn với anh Hoàng Văn K.

- Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0009807 ngày 09-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Võ Hoàng Đức

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- UBND xã Phước Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án...